

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Mã đề: T0601

Câu 1: (2,0 điểm) Thực hiện phép tính:

- a. $-20 + (-18)$.
- b. $26.4 + 26.6 + 200$.
- c. $24 - 3^{17} : 3^{15}$.
- d. $55 + [(60 - 2^2.5) : 2 - 5]$.

Câu 2: (2,0 điểm) Tìm x, biết:

- a. $x - 14 = 7$.
- b. $2x + 18 = 44$.
- c. $3(x - 17) = 2^3.9$.
- d. $118 - 2(x + 4) = 3^2.4$.

Câu 3: (1,5 điểm)

Cô giáo chủ nhiệm muốn chia 128 quyển vở, 48 bút mực thành một số phần thưởng như nhau để trao trong dịp sơ kết học kì I. Hỏi cô giáo có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần thưởng? Khi đó, mỗi phần thưởng có bao nhiêu quyển vở, bao nhiêu bút mực?

(xem tiếp trang sau)

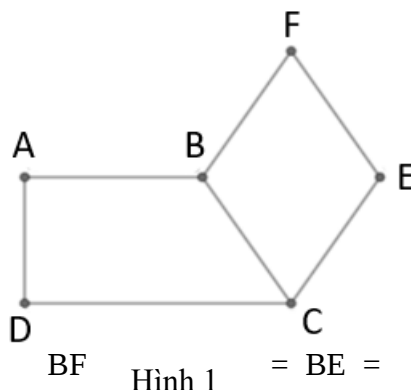
Câu 4: (2,5 điểm)

Một mảnh vườn ABFECD có hình dạng như hình 1.

Để tính diện tích của mảnh vườn, người ta chia nhỏ ra thành hình thang ABCD và hình thoi BFEC có kích thước như sau:

$AB = 10 \text{ m}$; $DC = 16 \text{ m}$; $AD = 8 \text{ m}$;

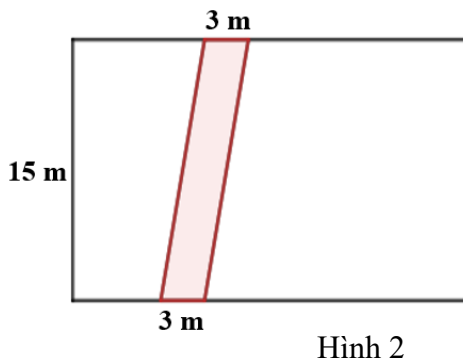
10 m ; $FC = 16 \text{ m}$.



- Tính diện tích của hình thang ABCD.
- Tính diện tích của mảnh vườn ABFECD.
- Tính chu vi của mảnh vườn ABFECD.

Câu 5: (1,0 điểm) Khu vườn hình chữ nhật của ông Ba có một lối đi hình bình hành với các kích thước như hình 2.

- Tính diện tích của lối đi.
- Ông Ba muốn lát sỏi cho lối đi.



Biết chi phí để lát sỏi cho mỗi mét vuông là 120 000 đồng, hỏi chi phí ông Ba phải trả để lát sỏi cho lối đi là bao nhiêu?

Câu 6: (1,0 điểm)

Tìm số tự nhiên a nhỏ nhất sao cho khi chia a lần lượt cho các số 2; 5; 11; 26 đều được dư là 1.

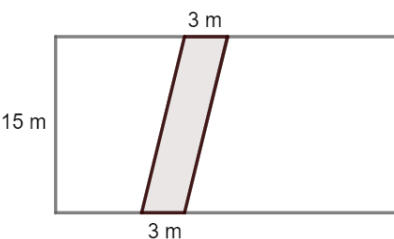
----- HẾT -----

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KỲ 1 – MÃ ĐỀ: T0601

Câu	Đáp án	Điểm
1a	$-20 + (-18)$	
	$= -(20 + 18)$	0.25
	$= -38$	0.25
1b	$26.4 + 26.6 + 200$	
	$= 26(4 + 6) + 200$	0.25
	$= 26.10 + 200$	
	$= 460$	0.25
1c	$24 - 3^{17} : 3^{15}$	
	$= 24 - 3^2$	0.25
	$= 24 - 9$	0.25
	$= 15$	
1d	$55 + [(60 - 2^2.5) : 2 - 5]$	
	$= 55 + [(60 - 4.5) : 2 - 5]$	0.25
	$= 55 + [40 : 2 - 5]$	
	$= 55 + 15$ $= 70$	0.25
2a	$x - 14 = 7$	

Câu	Đáp án	Điểm
	$x = 7 + 14$	0.25
	$x = 21$	0.25
2b	$2x + 18 = 44$	
	$2x = 44 - 18$ $2x = 26$	0.25
	$x = 13$	0.25
2c	$3(x - 17) = 2^3 \cdot 9$	
	$3(x - 17) = 72$ $x - 17 = 24$	0.25
	$x = 41$	0.25
2d	$118 - 2(x + 4) = 3^2 \cdot 4$	
	$118 - 2(x + 4) = 36$ $2(x + 4) = 82$	0.25
	$x + 4 = 41$ $x = 37$	0.25
3	Cô giáo chủ nhiệm muốn chia 128 quyển vở, 48 bút mực thành một số phần thưởng như nhau để trao trong dịp sơ kết học kì I. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần thưởng, khi đó mỗi phần thưởng có bao nhiêu quyển vở, bao nhiêu bút mực?	1.5
	Gọi số phần thưởng chia được nhiều nhất là a. ($a \in \mathbb{N}^*$) Theo bài ra, ta có: $128 : a$; $48 : a$ $\Rightarrow a \in \text{ƯC}(128, 48)$	0.5

Câu	Đáp án	Điểm
	Mà số phần thưởng chia được nhiều nhất là nên $a = \text{ƯCLN}(128, 48)$	
	$128 = 2^7$ $48 = 2^4 \cdot 3$ $\text{ƯCLN}(128, 48) = 2^4 = 16$	0.5
	Vậy có thể chia được nhiều nhất 16 phần thưởng. Mỗi phần thưởng có:	
	$128 : 16 = 8$ (quyển vở) $48 : 16 = 3$ (bút mực)	0.25 0.25
4	Một mảnh vườn ABFECD có hình dạng như hình 1. Để tính diện tích của mảnh vườn, người ta chia nhỏ ra thành hình thang ABCD và hình thoi BFEC có kích thước như sau: $AB = 10 \text{ m}$; $DC = 16 \text{ m}$; $AD = 8 \text{ m}$; $BF = BE = 10 \text{ m}$; $FC = 16 \text{ m}$. d. Tính diện tích của hình thang ABCD; e. Tính diện tích của mảnh vườn ABFECD; f. Tính chu vi của mảnh vườn ABFECD.	2.5
4a	Diện tích hình thang ABCD:	1

Câu	Đáp án	Điểm
	$\frac{(10+16).8}{2} = 104(m^2)$	
4b	Diện tích hình thoi BCEF: $\frac{10.16}{2} = 80(m^2)$ Diện tích mảnh vườn ABFECD: $104 + 80 = 184(m^2)$	0.5x2
4c	Chu vi của mảnh vườn: $10+10+10+10+16+8 = 64(m)$	0.5
5	Trong một khu vườn hình chữ nhật, người ta làm một lối đi hình bình hành với các kích thước như hình  2. c. Em hãy tính diện tích của lối đi; d. Ông Ba muốn lát sỏi cho lối đi. Chi phí cho mỗi mét vuông làm lối đi hết 120 nghìn đồng. Hỏi chi phí để làm lối đi là bao nhiêu?	1.0
	Diện tích của lối đi: $3.15 = 45(m^2)$	0.5
	Chi phí để làm lối đi: $120\ 000.45 = 5\ 400\ 000$ (đồng)	0.5
6	Tìm số tự nhiên a nhỏ nhất sao cho khi chia a lần lượt cho các số 2; 5; 11; 26 đều được dư là 1.	1.0
	Vì khi chia a lần lượt cho các số 2; 5; 11; 26 đều được dư là 1.	0.5

Câu	Đáp án	Điểm
	Nên $(a-1)$ chia hết cho 2; 5; 11; 26. $\Rightarrow (a-1) = BCNN(2,5,11,26)$ (vì a là số tự nhiên nhỏ nhất)	
	$BCNN(2,5,11,26) = 2.5.11.26 = 1430$ $\Rightarrow a = 1430 + 1 = 1431$ Vậy số a cần tìm là 1431.	0.5

Ma trận đề kiểm tra môn: TOÁN khối 6
Kì kiểm tra HK1 Năm học: 2022 - 2023

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức (bài học hoặc một phần kiến thức của bài)	Phân loại theo thang nhận thức																				Tổng điểm		Tỉ lệ (%) tương ứng với thời lượng	Thời lượng giảng dạy đơn vị kiến thức							
			Nhận biết						Thông hiểu						Vận dụng						Vận dụng cao												
			CHTL	ĐỘ KHÓ	CÂU	CHTN	ĐỘ KHÓ	CÂU	CHTL	ĐỘ KHÓ	CÂU	CHTN	ĐỘ KHÓ	CÂU	CHTL	ĐỘ KHÓ	CÂU	CHTN	ĐỘ KHÓ	CÂU	CHTL	ĐỘ KHÓ	CÂU	CHTN			ĐỘ KHÓ	CÂU	CHTL	CHTN			
1	Số nguyên	Cộng hai số nguyên cùng dấu	0,5	D	1a																			0,5		5%	1						
		Cộng số tự nhiên, tính chất phân phối	0,5	D	1b																			0,5		5%	1						
3	Số tự nhiên	Lấy thừa, trừ nhân chia số tự nhiên	0,5	D	1c																			0,5		5%	1						
		Lấy thừa, cộng trừ nhân chia số tự nhiên có ngoặc tròn, vuông											0,5	TDK	1d									0,5		5%	2						
4	Số nguyên	Cộng hai số nguyên cùng dấu	0,5	D	2a																			0,5		5%	1						
6		Phép trừ, nhân, chia số tự nhiên	0,5	D	2b																			0,5		5%	1						
7	Số tự nhiên	Lấy thừa, cộng số tự nhiên							0,5	TB	2c													0,5		5%	1						
8		Lấy thừa cộng trừ nhân chia số tự nhiên											0,5	TDK	2d								0,5		5%	1							
9		Ước chung, ước chung lớn nhất phân tích 1 số ra thừa số nguyên tố						1,5	TB	3													1,5		15%	2							
10	Hình học trực quan Các hình phẳng trong thực tiễn	Diện tích hình thang	1	D	4a																		1		10%	1							
11		Diện tích hình thoi	0,5	D	4b																		1		10%	1							
12		Chu vi												1	TDK	4c							0,5		5%	2							
13		Diện tích hình chữ nhật, diện tích hình bình hành						1	TB	5													1		10%	2							
14	Số tự nhiên	Bồi chung, bồi chung nhỏ nhất																1	K	6			0		1		10%	1					
Tổng điểm			4			0			3			0			2			0			1	K	6	0		10	0	100%	18				
Tỉ lệ mức độ nhận biết (Quy định)			40%						30%						20%						10%												
Tỉ lệ độ khó (Quy định)			40% D						30% TB						20% TDK						10% K												
			Điểm	SL		Điểm	SL		Điểm	SL		Điểm	SL		Điểm	SL		Điểm	SL		Điểm	SL		Điểm	SL		Tổng điểm	Số lượng	Tỷ lệ				
Dễ (D)			4	7		0	0		0	0		0	0		0	0		0	0		0	0		0	0		4	7	40,00%	Nhận biết	4	7	40,00%
Trung bình (TB)			0	0		0	0		3	3		0	0		0	0		0	0		0	0		0	0		3	3	30,00%	Thông hiểu	3	3	30,00%
Tương đối khó (TDK)			0	0		0	0		0	0		0	0		2	3		0	0		0	0		0	0		2	3	20,00%	Vận dụng	2	3	20,00%
Khó (K)			0	0		0	0		0	0		0	0		0	0		1	1		0	0		0	0		1	1	10,00%	Vận dụng cao	1	1	10,00%
			Tỷ lệ độ khó												Tỷ lệ Mức độ hiểu																		
			Dễ (D) #####												Nhận biết #####																		
			Trung bình (TB) #####												Thông hiểu #####																		
			Tương đối khó (TDK) #####												Vận dụng #####																		
			Khó (K) #####												Vận dụng cao #####																		

1- Độ khó (hoặc độ dễ):		THÔNG KÊ TỈ LỆ CÁC MỨC ĐỘ KHÓ CỦA ĐỀ
-------------------------	--	--------------------------------------